

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 4 - 2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Vinh và Ông Hoàng Công Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Các ngày 31 tháng 3 năm 2025 và 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1984; nơi đăng ký cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ở hiện nay: Quốc lộ A, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/3/2008. Sau kết hôn, vợ chồng luôn xa cách, ít khi sống chung, chị luôn một mình nuôi con, không có sự hỗ trợ của anh H1 trong cuộc sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án

giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: chị xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2015. Chị có nguyện vọng được nuôi các con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H1 trình bày:* Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập đến tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng hiện đang bị giam trong trại giam nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn hiện đang chấp hành án, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H1.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có đăng ký cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Văn H1 có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị H trình bày vợ chồng sau kết hôn luôn sống xa cách, ít khi sống chung, chị luôn một mình nuôi con, không hỗ trợ cho nhau trong cuộc sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị mong muốn được ly hôn. Anh H1 không phản đối về nội dung yêu cầu ly hôn của chị H, không trình bày phương án cứu vãn hôn nhân mà đồng ý ly hôn. Xét thấy chị H và anh H1 đều nguyện vọng được ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H trình bày từ trước tới nay chị vẫn một mình nuôi con, yêu cầu Tòa án giải quyết cho nuôi các con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh H1 hiện nay đang chấp hành án, không có ý kiến, nguyện vọng nuôi con cũng như không đủ điều kiện để giao nuôi con. Do vậy, cần giao các cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2015 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Hoàng Thị H chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H1.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.
3. Về con chung: giao 02 con chung của anh chị là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Tiến S, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2015 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết A, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh H1 lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H1.

4. Án phí sơ thẩm: chị Hoàng Thị H chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003477 ngày 03 tháng 12 năm 2024, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3/2025), bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Liên Trạch, h. Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

